

Số: **36** /2017/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **14** tháng **11** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành một số quy định quản lý Nhà nước về giá
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 220/2015/TTLT-BTC-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Xét Tờ trình số 5396/TTr-STC ngày 30/8/2017 của Sở Tài chính về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hà Nội; Văn bản thẩm định số 1292/STP-VBPQ ngày 16/6/2017, số 1696/STP-VBPQ ngày 08/8/2017 của Sở Tư pháp.



Bh

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành một số quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các quy định quản lý Nhà nước về giá khác thực hiện theo quy định của Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Quy định cụ thể một số nội dung về định giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Giao trách nhiệm đề xuất phương án giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

a. Sở Giao thông vận tải:

- Giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá;
- Giá sản phẩm dịch vụ công ích phục vụ công tác đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch lĩnh vực duy tu bảo trì đường bộ;

- Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá tối đa dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

- Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh;

- Khung giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; giá tối đa dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

- Khung giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý;

- Khung giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

b. Sở Xây dựng:

- Giá sản phẩm dịch vụ công ích phục vụ công tác đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch các lĩnh vực: Xử lý nước thải; duy trì hệ thống thoát nước đô thị; duy trì hệ thống chiếu sáng; duy trì công viên cây xanh; duy trì vệ sinh môi trường;

- Giá xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp được đầu tư từ ngân sách nhà nước;

- Giá nước sạch cho sinh hoạt tại đô thị, khu công nghiệp; giá nước sạch tối đa cho các mục đích sử dụng khác tại đô thị, khu công nghiệp;

- Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước (không bao gồm công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng chung trên địa bàn Thành phố);

- Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ ngân sách nhà nước trên địa bàn;

- Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt;

- Giá dịch vụ nghĩa trang, giá chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ cá nhân;

- Giá tối đa các dịch vụ cơ bản tại các nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng do ngân sách đầu tư;

c. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố ban hành định kỳ 5 năm một lần theo quy định của Luật Đất đai;

- Giá sản phẩm dịch vụ công ích phục vụ công tác đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch lĩnh vực quan trắc, phân tích môi trường.

d. Sở Công Thương:

- Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hoá thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; mức giá bán lẻ hàng hoá được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hoá, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi;

- Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá tối đa dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

- Giá dịch vụ chung trong các cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

e. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Giá sản phẩm dịch vụ công ích phục vụ công tác đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch các lĩnh vực: Duy tu, sửa chữa một số hạng mục công trình đê điều;

- Giá cụ thể sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý;

- Đơn giá đặt hàng làm nhiệm vụ trồng và bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sinh thái;

- Đơn giá đặt hàng làm nhiệm vụ duy trì sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

- Giá nước sạch cho sinh hoạt tại nông thôn; giá nước sạch tối đa cho các mục đích sử dụng khác tại nông thôn;

- Giá rừng, giá cho thuê các loại rừng cho các dự án cụ thể.

g. Sở Thông tin và Truyền thông: Giá cho thuê công trình ngầm hạ tầng

kỹ thuật đô thị sử dụng chung trên địa bàn Thành phố.

2. Giao trách nhiệm đề xuất phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Hội đồng nhân dân Thành phố như sau:

a. Sở Y tế: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế).

b. Sở Giáo dục và Đào tạo: Giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập (học phí).

3. Sau khi hoàn chỉnh phương án giá, các Sở, ngành có văn bản gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định, làm cơ sở để các Sở, ngành trình Ủy ban nhân dân Thành phố (hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố) xem xét, quyết định.

4. Đối với đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước, giá đất cụ thể và các hàng hóa, dịch vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giá: Trách nhiệm của các Sở, ngành trong việc xây dựng phương án giá, thẩm định phương án giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hóa, dịch vụ đó hoặc theo sự phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Quy định cụ thể một số nội dung về kê khai giá, đăng ký giá

1. Danh mục các hàng hóa dịch vụ phải kê khai giá: Các hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

2. Đối tượng phải kê khai giá, đăng ký giá: Các tổ chức, cá nhân có trụ sở chính hoặc đại lý, chi nhánh hạch toán độc lập, có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá trên địa bàn thành phố Hà Nội sản xuất, kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá, đăng ký giá theo quy định của pháp luật và nằm trong danh sách đối tượng phải kê khai giá, đăng ký giá theo thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Thông báo danh sách tổ chức, cá nhân phải đăng ký giá, kê khai giá:

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý ngành tham mưu và trình Ủy ban nhân dân Thành phố thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá tại các Sở.

b) Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn huyện. Danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn huyện không trùng với danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá tại các Bộ và các Sở. Giao các Sở chuyên ngành hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn huyện đối với danh mục các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố, các Sở quản lý ngành có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký giá, kê khai giá chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá với đơn vị mình gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì và trình Ủy ban nhân dân Thành phố thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá tại các Sở; Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn huyện.

5. Ngoài các cách thức gửi hồ sơ đăng ký giá quy định tại Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính, cách thức gửi hồ sơ kê khai giá theo quy định tại Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính, tổ chức, cá nhân có thể gửi hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá qua mạng internet theo hệ thống phần mềm dịch vụ công trực tuyến; quy trình gửi, tiếp nhận, rà soát, trả kết quả qua mạng internet theo hệ thống phần mềm dịch vụ công trực tuyến do cơ quan tiếp nhận quy định cụ thể.

6. Tổ chức, cá nhân phải nộp trả hồ sơ đăng ký giá đã được cơ quan tiếp nhận đóng dấu công văn đến nhưng cơ quan tiếp nhận đã có thông báo yêu cầu không được áp dụng mức giá đăng ký hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình về các nội dung của hồ sơ đăng ký giá.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 24 /11/2017; thay thế Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hà Nội và các quy định về quản lý giá của thành phố Hà Nội trái với quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc, thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Văn phòng: Thành ủy, ĐBQH&HĐND TP;
- Các PCVP, TH, TKBT, KT, ĐT, KGVX, NC;
- Công giao tiếp điện tử Thành phố;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, KT, *Abh*

34996 - 130

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *u*



Nguyễn Đức Chung